

**TÒA ÁNHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2023

"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diệm

2. Bà Nguyễn Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1979. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 tại thôn T, xã

H, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng An nơi anh chị cư trú, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, ngay thời gian đầu anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T .

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hoàng Văn T xác nhận: Lời khai của chị T về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị T. Hiện nay chị T có yêu cầu xin được ly hôn thì anh nhất trí.

Việc nuôi con: Anh chị đều khai nhận, quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu Hoàng Quang T , sinh ngày: 26/4/2000 và cháu Hoàng Tiến Đ , sinh ngày: 28/8/2006. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Tiến Đ , sinh ngày 28/8/2006 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn; còn cháu Hoàng Quang T đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và công nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với cán bộ Tư pháp xã Hùng An nơi anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T sinh sống xác nhận về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng An nơi anh chị cư trú, thời điểm mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, tình trạng hôn nhân hiện nay và về con chung của anh chị đúng như lời trình bày của chị T

Do anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T; về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự; về án phí, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T cư trú tại thôn T, xã H, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng An nơi anh chị cư trú thực hiện mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Hùng An, huyện Bắc Quang nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1

Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Trước khi mở phiên tòa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T, thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/8/2006 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn; còn cháu Hoàng Quang T đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Tiến Đ nên cần công nhận. Cháu Hoàng Quang T đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T : giao cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/8/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh T, chị T có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003237, ngày 26/12/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Hùng An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

Nguyễn Hồng Diệm

Đinh Thị Hồng